

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển
sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, để luân chuyển trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo dự án, phương án, mô hình giảm nghèo (sau đây gọi tắt là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế quay vòng

1. Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền để thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với từng dự án được phê duyệt và điều kiện cụ thể của từng hộ hoặc nhóm hộ tham gia dự án.

2. Kinh phí quay vòng được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới thuộc hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của các chương trình mục tiêu quốc gia được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên bố trí cho các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Đối với những chi phí gián tiếp trong các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải thực hiện theo cơ chế lồng ghép nguồn vốn quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi kinh phí quay vòng.

5. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện cơ chế quay vòng.

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng:

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền.

2. Tỷ lệ thu hồi theo số vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án (không bao gồm dự án mô hình giảm nghèo).

a) Đối với dự án trồng trọt:

- Cây ngắn ngày (chu kỳ sản xuất dưới 01 năm): Tỷ lệ thu hồi 20%/dự án.

- Đối với các loại cây trồng còn lại: Tỷ lệ thu hồi 25%/dự án.

b) Đối với dự án chăn nuôi:

- Gia súc, gia cầm: Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án

- Đại gia súc: Tỷ lệ thu hồi 35%/dự án

c) Dự án thủy sản: Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án

d) Dự án lâm nghiệp (trồng rừng sản xuất): Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án.

3. Tỷ lệ thu hồi đối với dự án mô hình giảm nghèo:

a) Đối với các dự án nông, lâm nghiệp: Thực hiện theo Khoản 2 Điều này.

b) Dự án khác còn lại thu hồi 40%/dự án.

4. Mức kinh phí thu hồi và thời gian thu hồi:

a) Mức kinh phí thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi nêu tại Khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xác định số kinh phí phải thu hồi để quay vòng trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

5. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ vì lý do khách quan như: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định điều chỉnh dự án đã phê duyệt.

6. Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án:

a) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 30% đến dưới 50% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

b) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 50% đến 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, tỷ lệ thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi nêu tại Khoản 2 Điều này.

c) Các trường hợp bất khả kháng khác: Xuất trình căn cứ hợp pháp để cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn nhưng tối đa không quá 12 tháng.

7. Trường hợp không thu hồi kinh phí hỗ trợ: Dự án bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Quản lý, sử dụng và trình tự quay vòng

1. Cơ quan có trách nhiệm thu hồi kinh phí quay vòng:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án có trách nhiệm thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo dự án được duyệt để thực hiện luân chuyển cho dự án khác được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ tổ chức thu hồi kinh phí quay vòng thực hiện dự án cho cơ quan, đơn vị và cấp xã.

c) Kết thúc dự án: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số kinh phí quay vòng thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi.

2. Quản lý kinh phí quay vòng:

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở tài khoản tiền gửi để thu hồi kinh phí quay vòng hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tại Kho bạc nhà nước:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Đối với dự án mô hình giảm nghèo

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội mở tài khoản tiền gửi để thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tại Kho bạc nhà nước:

- Tên tài khoản: Kinh phí quay vòng các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

3. Quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng

a) Hằng năm căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và số kinh phí thu hồi của các dự án (nguồn vốn quay vòng): Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí thực hiện các dự án mới được phê duyệt trong năm.

b) Kinh phí thu hồi thuộc dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng được quản lý theo xã và ưu tiên phân bổ tiếp tục thực hiện các dự án mới trên địa bàn xã đó (trường hợp xã có nhu cầu).

c) Định kỳ hằng năm, trước ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch: Cơ quan, đơn vị và cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng lập báo cáo tình hình triển khai các dự án và kinh phí quay vòng gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch.

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thu hồi và sử dụng kinh phí quay vòng 6 tháng và hằng năm trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, để báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng thực hiện hạch toán kế toán, quản lý kinh phí trên hệ thống kế toán và báo cáo tài chính hằng năm theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 5. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư.

3. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6

tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai dự án của cộng đồng dân cư; thực hiện nghiệm thu và thanh toán, giải ngân vốn cho cộng đồng dân cư căn cứ kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại Khoản 6, Điều 22 - Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với UBND cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

7. Cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức thực hiện việc dự án, đảm bảo thu hồi kinh phí quay vòng để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng theo quy định.

8. Kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia toàn bộ số kinh phí quay vòng được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước.

9. Thực hiện công khai tài chính thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng

1. Hằng năm, căn cứ mức hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án quyết toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 65 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố xét duyệt/thẩm định quyết toán và tổng hợp vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cơ quan chủ quản thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm: Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh:

a) Căn cứ dự toán trung ương giao và quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, hàng năm lập

phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó có hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) gửi Sở Tài chính.

b) Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của trung ương.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế quay vòng. Tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở, ngành chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, thẩm định dự án; phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự án.

b) Căn cứ dự toán tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

c) Có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, xã gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh để theo dõi, tổng hợp chung.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý, phê duyệt dự án (nếu được ủy quyền).

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện các dự án do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện Nghị quyết (qua Phòng Lao động Thương binh & Xã hội/ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Phòng Dân tộc).

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với kinh phí thu hồi của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết một số điều tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch bàn giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động TB&XH, NN&PTNT, Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực các huyện Ủy, Thành ủy;
- CVP và PVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV NCTH. **3**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn